

Số: 3835 /QĐ-UBND

Phú Vang, ngày 14 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND huyện Phú Vang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2014/TT-BKHCN Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân và các cơ quan cấp huyện được đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Phú Vang về việc triển khai việc xây dựng, áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước huyện Phú Vang năm 2019.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại UBND huyện Phú Vang phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (kèm theo phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND huyện Phú Vang.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP;
- Lưu VT, CV(CNTT).

CHỦ TỊCH

La Phúc Thành

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN PHÚ VANG ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3835 /QĐ-UBND ngày 14 / 11 /2019
của UBND huyện Phú Vang)

Stt	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (30 TTHC)
	I.1 Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (05 TTHC):
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
	I.2 Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (19 TTHC):
6.	Thủ tục đăng ký hợp tác xã
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
8.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
9.	Đăng ký khi hợp tác xã chia
10.	Đăng ký khi hợp tác xã tách
11.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
12.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
13.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
15.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
17.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
18.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
19.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
20.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
21.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
22.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
23.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
24.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
	I.3 Đầu tư xây dựng (04 TTHC):
25.	Thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng công trình
26.	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
27.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

28.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
	I.4 Thủ tục hành chính liên thông (02 TTHC):
29.	Liên thông Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - Đăng ký mã số thuế
30.	Liên thông Đăng ký hợp tác xã- Đăng ký mã số thuế
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (18 TTHC)
	II.1 Tài chính đầu tư (04 TTHC):
31.	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm B thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
32.	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
33.	Phê duyệt quyết toán dự án dùng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của UBND cấp huyện
34.	Phê duyệt quyết toán dự án dùng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị
	II.2 Quản lý Tài sản công (13 TTHC):
35.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
36.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
37.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
38.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.
39.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
40.	Quyết định điều chuyển tài sản công
41.	Quyết định bán tài sản công
42.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
43.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công
44.	Quyết định thanh lý tài sản công
45.	Quyết định tiêu hủy tài sản công
46.	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại
47.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
	II.3 Quản lý ngân sách (01 TTHC)
48.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (44 TTHC)
	III.1 Đất đai (32 TTHC):
	a) TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (07 TTHC):
49.	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
50.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
51.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
52.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân

53.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
54.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
55.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện
	b) TTHC thuộc thẩm quyền của CN. Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (25 TTHC):
56.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
57.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
58.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
59.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
60.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
61.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
62.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
63.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
64.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
65.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
66.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
67.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
68.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
69.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
70.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
71.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
72.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
73.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
74.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có

	Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở
75.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
76.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
77.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
79.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
80.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
	III.2 Môi trường (01 TTHC):
81.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
	III.3 Tài nguyên nước (02 TTHC):
82.	Đăng ký khai thác nước dưới đất
83.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh
	III.4 Giao dịch bảo đảm (09 TTHC):
84.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
85.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
86.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
87.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
88.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
89.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
90.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
91.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
92.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
IV	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (16 TTHC)
	IV.1 Hạ tầng kỹ thuật (01 TTHC):
93.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị
	IV.2 Hoạt động xây dựng (07 TTHC):
94.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình (gồm công trình xây dựng không theo tuyến, công trình xây dựng theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, dự án, nhà ở riêng lẻ)
95.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình
96.	Cấp giấy phép di dời công trình

97.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
98.	Gia hạn giấy phép xây dựng
99.	Cấp lại giấy phép xây dựng
100.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)
	IV.3 Quy hoạch (08 TTHC):
101.	Cấp chứng chỉ quy hoạch
102.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
103.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
104.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn
105.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
106.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
107.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn
108.	Thẩm định, phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng
V	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (32 TTHC)
	V.1 Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC):
109.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật
110.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật
	V.2 Hòa giải ở cơ sở (01 TTHC):
111.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải
	V.3 Bồi thường nhà nước (02 TTHC):
112.	Thủ tục phục hồi danh dự
113.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
	V.4 Chứng thực (12 TTHC):
114.	Cấp bản sao từ sổ gốc
115.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
116.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
117.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
118.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
119.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
120.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
121.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

122.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
123.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
124.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
125.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
	V.5 Hộ tịch (16 TTHC):
126.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
127.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
128.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
129.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
130.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
131.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
132.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
133.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
134.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
135.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
136.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
137.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
138.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
139.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
140.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
141.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
VI	LĨNH VỰC NỘI VỤ (35 TTHC)
	VI.1 Công chức, viên chức (02 TTHC):
142.	Thủ tục tuyển dụng viên chức
143.	Thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã
	VI.2 Tổ chức, biên chế (02 TTHC):
144.	Thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
145.	Thủ tục giải thể, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
	VI.3 Hội, tổ chức phi chính phủ (17 TTHC):
146.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã và thành phố
147.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
148.	Thủ tục thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
149.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
150.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

151.	Thủ tục đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
152.	Thủ tục tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
153.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
154.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
155.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
156.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
157.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
158.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
159.	Thủ tục cho phép quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
160.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
161.	Thủ tục đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
162.	Thủ tục tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
	VI.4 Thi đua - Khen thưởng (06 TTHC):
163.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
164.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến và Đơn vị tiên tiến
165.	Thủ tục tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở
166.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
167.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất
168.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
	VI.5 Tôn giáo (08 TTHC):
169.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
170.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
171.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
172.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
173.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
174.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
175.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
176.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn

	giáo trực thuộc
VII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (24TTHC)
	VII.1 Giáo dục nghề nghiệp (01 TTHC):
177.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.
178.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập
	VII.2 Lao động – Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (02 TTHC):
179.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền
180.	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp
	VII.3 Bảo trợ xã hội (15 TTHC):
181.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
182.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.
183.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.
184.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.
185.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.
186.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.
187.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.
188.	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.
189.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.
190.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.
191.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
192.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
193.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.
194.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.
195.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.
	VII.4 Phòng, chống tệ nạn xã hội (04 TTHC):
196.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
197.	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
198.	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
199.	Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm bảo trợ xã hội
	VII.5 Người có công (02 TTHC):
200.	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
201.	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị

	phục hồi chức năng
	VII.6 TTHC liên thông trong lĩnh vực Người có công (21 TTHC):
202.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
203.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
204.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
205.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
206.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
207.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
208.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
209.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
210.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
211.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
212.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
213.	Thủ tục Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
214.	Thủ tục “Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập”
215.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
216.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
217.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
218.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
219.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
220.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
221.	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
222.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia
VIII	LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO (18 TTHC)
	VIII.1 Văn hóa cơ sở (11 TTHC):
223.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)
224.	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
225.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
226.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm
227.	Xét tặng giấy khen Khu dân cư văn hóa
228.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”

229.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
230.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
231.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
232.	Đăng ký tổ chức lễ hội
233.	Thông báo tổ chức lễ hội
	VIII.2 Thư viện (01 TTHC):
234.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (vốn sách ban đầu từ 1.000 cho đến dưới 2000 bản)
	VIII.3 Gia đình (06 TTHC):
235.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
236.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
237.	Đôi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
238.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
239.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
240.	Đôi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
IX	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (22 TTHC)
	IX.1 An toàn thực phẩm (05 TTHC):
241.	Cấp lại bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm (trong trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)
242.	Cấp lại bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (trong trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)
243.	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm
244.	Xác nhận bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm
245.	Xác nhận bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm
	IX.2 Lưu thông hàng hóa (12 TTHC):
246.	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ
247.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ
248.	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ
249.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu
250.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu
251.	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu
252.	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
253.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
254.	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
255.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
256.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
257.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
	IX.3 Kinh doanh Khí (03 TTHC):

258.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
259.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
260.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
	IX.4 Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC):
261.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
262.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
X	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (30 TTHC)
263.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
264.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
265.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
266.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
267.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
268.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục
269.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
270.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
271.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
272.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
273.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng
274.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
275.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
276.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
277.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
278.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
279.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
280.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
281.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở
282.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
283.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
284.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập
285.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập
286.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
287.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
288.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
289.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
290.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
291.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi
292.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi năm tuổi
XI	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (12 TTHC)
	XI.1 Thủy lợi (02 TTHC):

293.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp
294.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
	XI.2 Phát triển Nông thôn (06 TTHC):
295.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
296.	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện
297.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
298.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
299.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
300.	Hỗ trợ dự án liên kết
	XI.3 Khuyến nông (01 TTHC):
301.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
	XI.4 Thủ tục hành chính liên thông (03 TTHC):
302.	Công nhận làng nghề
303.	Công nhận nghề truyền thống
304.	Công nhận làng nghề truyền thống
XII	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (06 TTHC)
	XII.1 Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (04):
305.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
306.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
307.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
308.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
	XII.2 Xuất bản (02 TTHC):
309.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
310.	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy
XIII	Phòng, chống tham nhũng (5 thủ tục)
311.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập
312.	Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập
313.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập
314.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình
315.	Thủ tục thực hiện việc giải trình
XIV	Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
316.	Tiếp công dân
317.	Xử lý đơn
318.	Giải quyết khiếu nại lần đầu
319.	Giải quyết khiếu nại lần hai
320.	Giải quyết tố cáo